



LADOPHAR
TINH HOA DƯỢC LIỆU

CÔNG TY CP DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

TÀI LIỆU HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG

NĂM 2025

Lâm Đồng, tháng 11/2025



DANH MỤC TÀI LIỆU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2025

1. Chương trình Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025-----	2
2. Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 -----	4
3. Tờ trình thành lập Đoàn Chủ tọa và các Ban chuyên trách tại Đại hội-----	10
4. Tờ trình về việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh và sửa đổi, bổ sung Điều lệ -----	11
5. Tờ trình về phương án khắc phục lỗ lũy kế-----	15
6. Tờ trình về việc bổ sung hình thức và mục đích vay vốn năm 2025-----	17
7. Tờ trình về việc báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2025 và giải ngân đầu tư nhà máy CO2 siêu tới hạn. -----	19
8. Tờ trình về việc thông qua Phương án chào bán Cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu -----	22
9. Tờ trình về việc bổ sung danh sách Công ty kiểm toán độc lập; -----	28
10. Dự thảo Phiếu biểu quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025-----	30
11. Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 -----	31
12. Đính kèm:	
1. Dự Thảo toàn văn Điều lệ sửa đổi lần XVIII;	
2. Báo cáo kết quả đợt chào bán riêng lẻ và các tài liệu kèm theo.	
3. Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho Người lao động (ESOP)	

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2025

Thời gian : Từ 14 giờ 00 phút sáng ngày **10/12/2025** (Thứ Tư).
Địa điểm : Hội trường Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar)
(Số 18 Ngô Quyền, phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng).

THỜI GIAN	NỘI DUNG CHI TIẾT
14h00 - 14h30	- Đón tiếp đại biểu, khách mời và Cổ đông dự Đại hội. - Kiểm tra tư cách Cổ đông, cập nhật danh sách Cổ đông tham dự cùng với số cổ phần có quyền biểu quyết.
14h30 – 15h00	I. Nghi thức Đại hội: 1. Tuyên bố lý do ĐH và giới thiệu đại biểu, thành phần tham dự. 2. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội. 3. Thông qua Chương trình Đại hội. 4. Thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội. 5. Thông qua Đoàn Chủ tọa và các Ban chuyên trách tại Đại hội.
15h00 – 15h30	II. Đại hội nghe trình bày các nội dung 1. Tờ trình về việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh và sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty; 2. Tờ trình về phương án khắc phục lỗ lũy kế; 3. Tờ trình về việc bổ sung hình thức và mục đích vay vốn năm 2025; 4. Tờ trình về việc báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2025 và giải ngân đầu tư nhà máy CO2 siêu tới hạn; 5. Tờ trình về việc thông qua phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu; 6. Tờ trình bổ sung danh sách Công ty kiểm toán độc lập; 7. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (nếu có).
15h30 – 15h45	III. Thảo luận
15h45 – 16h00	IV. Biểu quyết 1. Báo cáo (lần 2) kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội. 2. Hướng dẫn biểu quyết. 3. Tiến hành biểu quyết thông qua nội dung trong Phiếu biểu quyết.
16h00 – 16h15	Giải lao
16h15 – 16h30	V. Công bố kết quả biểu quyết.
16h30 – 16h40	VI. Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.
16h40 – 16h50	VII. Bế mạc Đại hội.

Ghi chú: Nội dung Chương trình có thể được điều chỉnh/cập nhật, Quý Cổ đông vui lòng theo dõi Tài liệu Đại hội được cập nhật trên trang thông tin điện tử của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) tại địa chỉ <https://ladophar.com/quan-he-co-dong>

**CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



PHẠM TRUNG KIÊN

QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2025
CÔNG TY CP DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019; và các văn bản dưới Luật kèm theo;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn thi thành Luật chứng khoán;
- Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar, “Công ty”).

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) Quy chế làm việc tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 (Đại hội) như sau:

Điều 1. Mục đích

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội của Công ty được diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.
- Các nghị quyết của ĐHĐCĐ thể hiện ý chí thống nhất của ĐHĐCĐ, đáp ứng nguyện vọng quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi áp dụng

- **Đối tượng áp dụng:** Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) của cổ đông đang sở hữu cổ phiếu của Công ty và khách mời tham dự Đại hội của Công ty.
- **Phạm vi áp dụng:** Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar).

Điều 3. Điều kiện tiến hành Đại hội

- Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết;
- Trường hợp không có đủ số lượng cổ đông cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông và những đại diện theo ủy quyền dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số cổ đông cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 4. Thành phần tham dự Đại hội

1. Tất cả cổ đông của Công ty theo danh sách người sở hữu chứng khoán chốt tại **ngày đăng ký cuối cùng 27/10/2025** do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam lập đều có quyền trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự Đại hội. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được ủy quyền theo quy định của pháp luật được cử tham dự thì phải xác định cụ thể số cổ phần của mỗi người đại diện.
2. Hội đồng quản trị, Ủy Ban kiểm toán của Công ty.
3. Khách mời tại Đại hội:
 - Là các khách có liên quan được mời và các thành viên giữ chức danh quản lý của Công ty, thành viên trong Ban tổ chức Đại hội không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.
 - Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với Ban tổ chức Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý).

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Quyền của cổ đông:
 - Được trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp. Văn bản ủy quyền phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp.
 - Được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
 - Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền (gọi tắt là cổ đông, đại diện cổ đông) đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
2. Nghĩa vụ của cổ đông khi tham dự Đại hội:
 - Tuân thủ các quy định tại Quy chế này, quy định của Ban Tổ chức (đúng giờ, trang phục lịch sự, trang trọng, đầy đủ giấy tờ tùy thân; v.v...) và theo yêu cầu của Chủ tọa điều hành Đại hội;
 - Cổ đông/đại diện theo ủy quyền khi vào phòng Đại hội phải có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với Ban tổ chức; ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức quy định;
 - Trong thời gian diễn ra Đại hội, các đại biểu phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Chủ tọa, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự Đại hội;
 - Các đại biểu phải giữ bí mật, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu, không sao chép, ghi âm đưa cho người ngoài Đại hội khi chưa được Đoàn Chủ tọa cho phép;
 - Các cổ đông, đại diện cổ đông khi tới tham dự Đại hội phải mang theo Thư mời họp, CMND/Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu, Giấy ủy quyền (nếu được ủy quyền tham dự Đại hội) để làm thủ tục đăng ký tham dự với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và sẽ được Ban gọi lại:
 - Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông.
 - Một (01) Phiếu biểu quyết về những vấn đề cần thông qua.
 - Một (01) Thẻ biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu và/hoặc được ủy quyền.

Điều 6. Chủ tọa và Đoàn chủ tọa

1. Đoàn Chủ tọa bao gồm 01 (một) Chủ tọa và các thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ do HĐQT triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc các trường hợp khác theo quy định tại Điểm a và Điểm b, Khoản 2, Điều 19, Điều lệ Công ty.
2. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:
 - Giới thiệu thành phần Đoàn Chủ tọa để Đại hội biểu quyết;
 - Giới thiệu thành phần các Ban chuyên trách để Đại hội biểu quyết;
 - Điều khiển Đại hội theo chương trình và Quy chế làm việc dự kiến của HĐQT đã được Đại hội thông qua;
 - Phân công, giới thiệu đại diện thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy Ban kiểm toán, thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày các báo cáo tại Đại hội;
 - Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội;
 - Giám sát việc bỏ phiếu, kiểm phiếu;
 - Giải quyết khiếu nại (nếu có) và các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình diễn ra Đại hội;
 - Quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội;
 - Trả lời và ghi nhận những vấn đề thuộc nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua;
 - Phê chuẩn, ban hành các văn bản, kết quả, biên bản, nghị quyết của Đại hội sau khi kết thúc Đại hội.

Điều 7. Ban kiểm tra tư cách cổ đông

1. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông của Đại hội bao gồm 01 (một) Trưởng Ban và các thành viên (nếu thấy cần thiết), do Hội đồng quản trị thành lập và do Chủ tọa giới thiệu đến Đại hội.
2. Nhiệm vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông:
 - Tiếp nhận và kiểm tra tính hợp lệ các giấy tờ của cổ đông hoặc đại diện cổ đông đến tham dự Đại hội;
 - Gửi tài liệu Đại hội và Phiếu biểu quyết cho cổ đông hoặc đại diện cổ đông;
 - Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông trước khi Đại hội đồng cổ đông chính thức tiến hành và trước khi Đại hội tiến hành biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết.

Điều 8. Ban Thư ký Đại hội

1. Ban Thư ký của Đại hội bao gồm 01 (một) Trưởng Ban và 01 (một) thành viên do Chủ tọa cử, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tọa.
2. Nhiệm vụ của Ban Thư ký:
 - Ghi chép và lập Biên bản họp ĐHĐCĐ một cách đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến tại Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội;
 - Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu trong Đại hội;
 - Hỗ trợ Chủ tọa công bố dự thảo Biên bản họp Đại hội và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại Hội;
 - Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ tọa.

Điều 9. Ban kiểm phiếu

1. Ban Kiểm phiếu của Đại hội bao gồm 01 (một) Trưởng Ban và các thành viên, do Chủ tọa đề nghị và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Nhiệm vụ của Ban Kiểm phiếu:
 - Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết;
 - Kiểm tra, giám sát việc biểu quyết, bỏ phiếu biểu quyết của các cổ đông hoặc đại diện cổ đông;
 - Tổ chức kiểm Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết của các cổ đông hoặc đại diện cổ đông và xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng vấn đề biểu quyết tại Đại hội;
 - Lập Biên bản kiểm phiếu biểu quyết;
 - Báo cáo Đại hội kết quả kiểm phiếu các nội dung đã biểu quyết và chuyển kết quả cho Thư ký Đại hội;
 - Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.
3. Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử hoặc tự ứng cử vào Hội đồng quản trị.

Điều 10. Thảo luận tại Đại hội

1. Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và/hoặc theo sự điều hành của Chủ tọa, đồng thời thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung ĐHĐCĐ;
2. Chỉ có cổ đông và đại diện cổ đông mới được tham gia thảo luận;
 - Cổ đông trước khi tham dự Đại hội hoặc tại Đại hội nếu muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải đăng ký trước nội dung phát biểu với Ban Tổ chức Đại hội và phải được sự chấp thuận của Chủ tọa.
 - Cổ đông phát biểu ngắn gọn (mỗi cổ đông phát biểu không quá 3 phút) và tập trung vào những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua.
3. Giải đáp ý kiến của cổ đông hoặc đại diện cổ đông;
 - Trên cơ sở Phiếu đặt câu hỏi của cổ đông và đại diện cổ đông, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của cổ đông và đại diện cổ đông;
 - Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời sau bằng văn bản hoặc bằng thư điện tử (e-mail).

Điều 11. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

1. Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.
2. Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại Đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự Đại hội đồng cổ đông). Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết. Trên Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.
3. Cách thức biểu quyết: Lựa chọn một trong ba phương án biểu quyết: Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội.
4. Thể lệ biểu quyết:
 - Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với 01 (một) quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết;

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 27/10/2025) tổng số cổ phần của Công ty là: 13.338.167 cổ phần tương đương với 13.338.135 quyền biểu quyết (số quyền biểu quyết thấp hơn số cổ phần do có 32 cổ phiếu quỹ của Công ty).
 - Cổ đông, đại diện cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; các hợp đồng hoặc giao dịch này chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông/ đại diện ủy quyền chiếm từ 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành (theo Khoản 4, Điều 167, Luật Doanh nghiệp 2020).
 - Cổ đông, đại diện cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị lớn hơn 10% (tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất) với cổ đông đó (theo Điểm b, Khoản 3 và Khoản 4, Điều 167, Luật Doanh nghiệp 2020).
5. Hình thức biểu quyết: Tại Đại hội có 02 (hai) hình thức biểu quyết, cụ thể như sau:
- Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết: đối với các nội dung được liệt kê trong Phiếu biểu quyết. Phiếu biểu quyết sẽ đính kèm trong bộ tài liệu gửi cho cổ đông khi tham dự Đại hội.
 - Biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết: đối với tất cả các nội dung khác trong chương trình cần thông qua biểu quyết của cổ đông tại Đại hội.
6. Cách thức biểu quyết:
- Biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.
 - Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu bỏ Phiếu biểu quyết vào thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của cổ đông/đại diện cổ đông.
7. Quy định về tính hợp lệ của phiếu biểu quyết:
- Phiếu biểu quyết hợp lệ:
 - Là phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự.
 - Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết. Nội dung biểu quyết không hợp lệ là nội dung không đúng theo các quy định của nội dung biểu quyết hợp lệ.
 - Phiếu biểu quyết không hợp lệ:
 - Ghi thêm nội dung khác vào phiếu biểu quyết;

- Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do Ban Tổ chức phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu biểu quyết, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.
8. Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.
9. Ghi nhận kết quả biểu quyết: Kết quả biểu quyết sẽ được Ban kiểm phiếu ghi nhận, báo cáo Đoàn Chủ tọa và công bố trước Đại hội.

Điều 12. Thông qua các quyết định của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Quyết định của ĐHĐCĐ về các vấn đề trong cuộc họp được thông qua theo quy định tại Điều lệ Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar).

Điều 13: Biên bản và Nghị quyết Đại hội

Biên bản, Nghị Quyết họp ĐHĐCĐ phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Điều 14. Điều khoản thi hành

Cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời tham dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc của Đại hội. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Các nội dung không được quy định chi tiết tại quy chế này thì thống nhất áp dụng theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp 2020 và các văn bản pháp luật hiện hành của Nhà nước.

Quy chế này được trình cho ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 và có hiệu lực thi hành ngay khi ĐHĐCĐ của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) biểu quyết thông qua và sẽ hết hiệu lực khi ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) kết thúc./.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Lưu: VP HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Trung Kiên

Số: 02/TTr-DHBT/2025

Lâm Đồng, ngày 18 tháng 11 năm 2025

TỜ TRÌNH

**Về việc giới thiệu Đoàn Chủ tọa, Ban Kiểm tra tư cách cổ đông, Ban Thư ký
và đề cử Ban Kiểm phiếu**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar);
- Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐQT/LDP/2025 ngày 07/10/2025 của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025;
- Căn cứ Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 của Công ty.

Ban Tổ chức xin trân trọng giới thiệu với Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thành phần Đoàn Chủ tọa bao gồm:

1. Ông Phạm Trung Kiên – Chủ tịch Hội đồng quản trị : Chủ tọa.
2. Ông Lê Tiến Thịnh – Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc : Thành viên.
(Theo Điều lệ Công ty thì Chủ tịch HĐQT là Chủ tọa trong cuộc họp ĐHĐCĐ)

Chủ tọa trân trọng giới thiệu thành phần Ban Kiểm tra tư cách cổ đông bao gồm:

1. Ông Ngô Văn Trị : Trưởng ban.
2. Bà Trương Thị Ngọc Hiền : Thành viên.
3. Bà Đỗ Thị Hồng Nhung : Thành viên.

và thành phần Ban Thư ký bao gồm:

1. Bà Phạm Thị Huyền Trang : Trưởng ban.
2. Bà Nguyễn Hồng Ngọc : Thành viên.

Chủ tọa đề cử kính trình ĐHĐCĐ phê duyệt thành phần Ban Kiểm phiếu bao gồm:

1. Ông Ngô Văn Trị : Trưởng ban.
2. Bà Trần Thị Hiền : Thành viên.
3. Bà Trương Thị Phụng Vy : Thành viên.

Nhiệm vụ và quyền hạn của Đoàn Chủ tọa, các Ban chuyên trách và Thư ký theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế làm việc tại Đại hội.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Lưu: VP HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

PHẠM TRUNG KIÊN

Số: 03/TTr-DHBT /2025

Lâm Đồng, ngày 18 tháng 11 năm 2025

TỜ TRÌNH**Về việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh và sửa đổi, bổ sung Điều lệ
của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar)****Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar)**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ và các Quy chế nội bộ của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar)
- Căn cứ Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;
- Căn cứ vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty và nhu cầu mở rộng hoạt động nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh, đa dạng hóa sản phẩm/dịch vụ;
- Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐQT/LDP/2025 ngày 07/10/2025 của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025;

Nhằm mở rộng và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bất thường năm 2025 thông qua việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) như sau:

I. Thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

Mã ngành, nghề	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung
4723	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh <i>Chi tiết:</i> - Bán lẻ đồ uống có cồn: Bao gồm các loại rượu mạnh, rượu vang, bia và các loại đồ uống có chứa cồn khác. - Bán lẻ đồ uống không có cồn: Gồm nước ngọt, nước khoáng, nước trái cây và các loại đồ uống nhẹ khác.

Các ngành, nghề kinh doanh của Công ty sau khi bổ sung sẽ bao gồm:

Mã ngành, nghề	Tên ngành, nghề kinh doanh
4649 (Chính)	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. <i>Chi tiết: mua bán thuốc, dược liệu, mỹ phẩm, vật tư, thiết bị y tế.</i>
2100	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu. <i>Chi tiết: sản xuất thuốc tân dược, đông dược.</i>
1079	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. <i>Chi tiết: sản xuất thực phẩm chức năng.</i>

Mã ngành, nghề	Tên ngành, nghề kinh doanh
1101	Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh. <i>Chi tiết: sản xuất rượu, nước uống có cồn.</i>
1104	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. <i>Chi tiết: sản xuất nước uống có gas và không có gas.</i>
5510	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. <i>Chi tiết:</i> - <i>Xuất nhập khẩu thuốc, dược liệu, nguyên phụ liệu sản xuất thuốc, vật tư thiết bị y tế.</i> - <i>Kinh doanh sinh phẩm, vaccine, hóa chất (phục vụ xét nghiệm, thí nghiệm sinh hóa, hóa học, huyết học).</i> - <i>Bán buôn các loại bao bì từ plastic (bao bì container), các loại vải PP, PE, túi PE, đai PP, chạc PP và các loại phụ liệu ngành may bao bì container), các loại vải PP, PE, túi PE, đai PP, chạc PP và các loại phụ liệu ngành may bao bì).</i>
4722	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. <i>Chi tiết: bán lẻ thực phẩm chức năng.</i>
4772	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.
4632	Bán buôn thực phẩm.
4633	Bán buôn đồ uống. <i>Chi tiết: kinh doanh rượu, đồ uống có cồn và không có cồn.</i>
4791	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet.
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
0128	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm.
4721	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh.
1010	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt.
1020	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.
1075	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn.
1080	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.
4773	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ bao bì, các loại hạt nhựa PP, PE, hạt tạo màu, hạt phụ gia nhựa, hạt UV; bán lẻ các loại bao bì từ plastic (bao bì container), các loại vải PP, PE, túi PE, đai PP, chạc PP và các loại phụ liệu ngành may bao bì.

Mã ngành, nghề	Tên ngành, nghề kinh doanh
8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. <i>Chi tiết:</i> - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh. - Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.
4932	Các hình thức vận tải đường bộ khác. <i>Chi tiết:</i> - Vận tải hành khách bằng xe khách trong phạm vi nội tỉnh, liên tỉnh. - Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, bao gồm hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác.
4723	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh <i>Chi tiết:</i> - Bán lẻ đồ uống có cồn: Bao gồm các loại rượu mạnh, rượu vang, bia và các loại đồ uống có chứa cồn khác. Bán lẻ đồ uống không có cồn: Gồm nước ngọt, nước khoáng, nước trái cây và các loại đồ uống nhẹ khác.

II. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty:

- Cập nhật thêm thông tin về ngành, nghề kinh doanh được bổ sung nêu trên vào Điều 4 và cập nhật phần vốn Điều lệ (tăng vốn sau đợt Chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2025) tại Điều 6 của Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

Trước khi điều chỉnh	Sau khi điều chỉnh
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty 1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là: sản xuất thuốc tân, đông dược, thực phẩm chức năng. Mua, bán thuốc, dược liệu, mỹ phẩm, vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm, vaccine. Nuôi trồng dược liệu. Xuất, nhập khẩu thuốc, nguyên phụ liệu làm thuốc, vật tư, máy móc thiết bị y tế và sản xuất thuốc. Dịch vụ lưu trú. Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet. Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh. Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa. Kinh doanh các hình thức vận tải đường bộ.	Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty 1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là: sản xuất thuốc tân, đông dược, thực phẩm chức năng. Mua, bán thuốc, dược liệu, mỹ phẩm, vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm, vaccine. Nuôi trồng dược liệu. Xuất, nhập khẩu thuốc, nguyên phụ liệu làm thuốc, vật tư, máy móc thiết bị y tế và sản xuất thuốc. Dịch vụ lưu trú. Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet. Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh. Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa. Kinh doanh các hình thức vận tải đường bộ. Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt

Trước khi điều chỉnh	Sau khi điều chỉnh
Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ.	ngũ cốc khác, bột mỳ. Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 1. Vốn điều lệ của Công ty là 133.381.670.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm ba mươi ba tỷ, ba trăm tám mươi một triệu, sáu trăm bảy mươi ngàn Việt Nam đồng). 2. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 13.338.167 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.	Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 1. Vốn điều lệ của Công ty là 187.281.670.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm tám mươi bảy tỷ, hai trăm tám mươi một triệu, sáu trăm bảy mươi ngàn Việt Nam đồng). 2. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 18.728.167 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

- Bổ sung vào cuối Điều lệ Công ty đính kèm Phụ lục đầy đủ các ngành, nghề kinh doanh của Công ty có kèm theo mã ngành sau khi đã bổ sung ngành, nghề kinh doanh mới.
(Toàn văn Điều lệ của Công ty sau khi sửa đổi được đính kèm Tờ trình này).

III. Ủy quyền và giao cho Người đại diện theo Pháp luật của Công ty:

- Thực hiện bổ sung nội dung Điều lệ theo mục nêu trên và ký ban hành Điều lệ mới;
- Thực hiện các thủ tục pháp lý để đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh với Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng theo đúng quy định pháp luật.

IV. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT:

Trong phạm vi bổ sung ngành nghề kinh doanh và bổ sung nội dung Điều lệ đã được ĐHĐCĐ thông qua như trên, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT có toàn quyền quyết định mọi vấn đề phát sinh liên quan đến việc đăng ký cập nhật, bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi Điều lệ theo quy định của pháp luật.

Kính trình Hội đồng quản trị xem xét thông qua đề trình ĐHĐCĐ.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Lưu: VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Phạm Trung Kiên

Số: 04/TTr-DHBT /2025

Lâm Đồng, ngày 18 tháng 11 năm 2025

TỜ TRÌNH**V/v Phương án khắc phục lỗ lũy kế****Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar)**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ vào Điều lệ và các Quy chế nội bộ của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar);
- Căn cứ Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2025 đã được soát xét;
- Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐQT/LDP/2025 ngày 07/10/2025 của Hội đồng quản trị về việc việc phê duyệt triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025.

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bất thường năm 2025 phê duyệt Phương án khắc phục lỗ lũy kế với nội dung như sau:

Dựa trên số liệu phản ánh trên Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2025 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C, tại ngày 30/06/2025 số lỗ lũy kế của Công ty là **50.655.818.563 đồng** và khoản mục Quỹ đầu tư phát triển là **24.348.384.362 đồng**

Dựa trên tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như hiện nay, dự kiến khoản lỗ lũy kế trên phải 4-5 năm tới Công ty mới có thể xóa được hoàn toàn lỗ lũy kế.

Do đó, nhằm khắc phục tình trạng lỗ lũy kế nêu trên, không làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như cổ phiếu của LDP đang niêm yết trên sàn HNX, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua nội dung như sau:

1. Phương án khắc phục lỗ lũy kế:

- 1.1. Phương án sử dụng Quỹ đầu tư phát triển và thặng dư vốn cổ phần từ đợt Chào bán riêng lẻ (CBRL) năm 2025 để bù đắp một phần lỗ lũy kế, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu (Theo BCTC 6 tháng 2025 đã soát xét)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ đầu tư phát triển	Thặng dư vốn cổ phần Chào bán riêng lẻ năm 2025	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (sau khi được bù đắp bởi Quỹ đầu tư phát triển + thặng dư vốn)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)-(4)-(5)
1	BCTC riêng	(50.655.818.563)	24.348.384.362	5.390.000.000	(20.917.434.201)

STT	Chỉ tiêu (Theo BCTC 6 tháng 2025 đã soát xét)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ đầu tư phát triển	Thặng dư vốn cổ phần Chào bán riêng lẻ năm 2025	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (sau khi được bù đắp bởi Quỹ đầu tư phát triển + thặng dư vốn)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)-(4)-(5)
2	BCTC hợp nhất	(50.655.818.563)	24.348.384.362	5.390.000.000	(20.917.434.201)

1.2. Phương án Thanh lý tài sản.

2. **ĐHĐCĐ giao/ủy quyền cho HĐQT** toàn quyền quyết định các vấn đề liên quan đến việc thực hiện phương án trên và báo cáo cho ĐHĐCĐ trong các kỳ họp gần nhất.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Lưu: VP HĐQT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



PHẠM TRUNG KIÊN

Số: 05/TTr-DHBT /2025

Lâm Đồng, ngày 18 tháng 11 năm 2025

TỜ TRÌNH**Về việc bổ sung hình thức và mục đích vay vốn năm 2025**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) (“Công ty”);
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) số 01/NQ-ĐHĐCĐ/LDP/2025 ngày 24/04/2025;
- Căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế tại Công ty;
- Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐQT/LDP/2025 ngày 07/10/2025 của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025.

I. Hội đồng quản trị (HĐQT) kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) nội dung như sau: Tại Điều 4 Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ/LDP/2025 ngày 24/04/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) đã thông qua hạn mức vay vốn năm 2025 với nội dung:

1. Thông qua mục đích vay vốn:

- Vốn vay ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Vốn vay trung và dài hạn bằng hình thức vay vốn tại các tổ chức tín dụng và các quỹ hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ cũng như các tổ chức tài chính khác để thực hiện việc đầu tư cải tạo, nâng cấp nhà máy, mua sắm máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất cũng như các khoản đầu tư về nhận diện thương hiệu phục vụ hoạt động kinh doanh.

2. Phê duyệt dự kiến hạn mức vay vốn của từng khoản đầu tư như sau:

Dvt: triệu đồng

STT	Nội dung	Số tiền
1	Vay vốn lưu động cho hoạt động SX – KD	150.000
2	Vay vốn vay trung và dài hạn cho các khoản đầu tư	150.000
	Tổng cộng	300.000

3. ĐHĐCĐ giao cho HĐQT xem xét, lựa chọn và quyết định các phương án, hình thức vay vốn để đảm bảo hiệu quả và nguồn vốn hoạt động theo tình hình thực tế.

II. Hiện nay, nhằm có đủ nguồn lực đáp ứng cho kế hoạch kinh doanh năm 2025 trong tình hình kinh doanh mới, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ bất thường năm 2025 thông qua nội dung như sau:

1. Bổ sung hình thức vay vốn năm 2025 của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) với nội dung vay vốn ngắn, trung và dài hạn bằng hình thức vay vốn từ các cá nhân, tổ chức khác thông qua các hợp đồng vay vốn.

2. Bổ sung mục đích vay vốn: để trả nợ trái phiếu và các khoản nợ khác của Công ty.
3. Ủy quyền cho HĐQT xem xét, lựa chọn và quyết định các phương án, hình thức vay vốn phù hợp, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật và lợi ích hợp pháp của Công ty.
4. Các nội dung trên có hiệu lực từ ngày ĐHĐCĐ thông qua đến khi có Nghị quyết mới có liên quan của ĐHĐCĐ.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Lưu: VP HĐQT.

**CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



PHẠM TRUNG KIÊN

Số: 06/TTr-DHBT /2025

Lâm Đồng, ngày 18 tháng 11 năm 2025

TỜ TRÌNH

**Về việc báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2025
và giải ngân đầu tư nhà máy CO2 siêu tới hạn.**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ và các Quy chế nội bộ của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar)
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) số 01/NQ-ĐHĐCĐ/LDP/2025 ngày 24/04/2025 kèm Tờ trình số 18/TTr-DHTN/2025 ngày 28/03/2025;
- Căn cứ các Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) số 19/NQ-HĐQT/LDP/2025 ngày 09/05/2025, 24/NQ-HĐQT/LDP/2025 ngày 15/05/2025, 26/NQ-HĐQT/LDP/2025 ngày 20/06/2025;
- Căn cứ Công văn số 3884/UBCK-QLCB ngày 29/07/2025 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về việc nhận được hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ của LDP;
- Căn cứ Nghị quyết HĐQT số 31/NQ-HĐQT/LDP/2025 ngày 22/08/2025 về việc Triển khai Chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp; Nghị quyết HĐQT số 35/NQ-HĐQT/LDP/2025 ngày 15/09/2025 về việc thay đổi thời gian nộp tiền mua cổ phiếu riêng lẻ; Quyết định số 03/QĐ-HĐQT/2025 ngày 07/10/2025 kèm Thông báo số 59/TB-HĐQTLDP/2025 ngày 07/10/2025 về việc gia hạn thời gian chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp;
- Căn cứ kết quả đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu chào bán riêng lẻ của các Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp có tên trong Danh sách Nhà đầu tư được tham gia mua cổ phiếu đính kèm Nghị quyết HĐQT số 31/NQ-HĐQT/LDP/2025 ngày 22/08/2025;
- Căn cứ Báo cáo kết quả Chào bán riêng lẻ số 21/BC-HĐQT/LDP/2025 ngày 27/10/2025;
- Căn cứ công văn số 7235/UBCK-QLCB ngày 07/11/2025 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tài liệu báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp của LDP;
- Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐQT/LDP/2025 ngày 07/10/2025 của Hội đồng quản trị về việc việc phê duyệt triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025.

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bất thường năm 2025 về kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và thông qua đề xuất thay đổi phương án sử dụng vốn như sau:

I. Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho Người lao động ESOP:

- Số lượng cổ phiếu đã được phát hành thành công trong năm 2025: 635.000 cổ phiếu;
- Tổng số tiền thu được: 6.350.000.000 đồng (theo file Báo cáo đính kèm).
- Kết quả sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:

STT	Nội dung sử dụng vốn	Giá trị dự kiến (đồng)	Thời gian thanh toán
1	Thanh toán tiền mua hàng hóa cho Chi nhánh Công ty CP Dược Hậu Giang tại Bình Thuận theo Hợp đồng mua bán năm 2025 số 001/2025.BTN-LDP ngày 02/01/2025	3.000.000.000	Đã giải ngân từ tháng 7/2025 và sẽ hoàn thành việc sử dụng vốn để thanh toán tiền cho các nhà cung cấp đến hết tháng 12/2025.
2	Thanh toán tiền mua hàng hóa cho Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm OPC Tại Nha Trang theo Hợp đồng số 0003/HĐMB_NPP/2024 ngày 01/01/2024	3.000.000.000	
3	Thanh toán tiền mua hàng hóa cho Chi Nhánh Công Ty CP Dược DANAPHA tại Khánh Hòa theo Hợp đồng số 002/2025/HĐKT-CNKH ngày 02/01/2025	350.000.000	
Tổng cộng		6.350.000.000	

II. Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ:

- Số lượng chào bán: 5.390.000 cổ phiếu
- Nhà đầu tư là Công ty Cổ phần APC Holdings
- Giá phát hành: 11.000 đồng/Cổ phiếu
- Tổng số tiền thu được 59.290.000.000 đồng (Năm mươi chín tỷ hai trăm chín mươi triệu đồng).
- Ngày hoàn tất: 26/10/2025
- Tăng vốn Điều lệ Công ty từ 133.811.700.000 VNĐ lên 187.281.670.000 VNĐ.
- Thặng dư vốn: 5.390.000.000 VNĐ.
- Tỷ lệ sở hữu: 28,78%

III. Giải ngân số vốn thu được từ đợt chào bán:

- Toàn bộ số tiền thu được là 59.290.000.000 đồng đã được giải ngân 100% vào việc đầu tư Dự án xây dựng nhà máy CO2 siêu tới hạn với tổng mức đầu tư là 157,5 tỷ.
- Mục đích: đầu tư nhà máy CO2 siêu tới hạn (giai đoạn 1)
- Tiến độ giải ngân đầy đủ, dự kiến vận hành vào Quý 3/2026
- Nguồn vốn còn lại (98,21 tỷ): từ vốn vay ngân hàng và/hoặc phát hành cổ phiếu năm 2026 (theo phương án đã phê duyệt)..

IV. Kết quả và lợi ích thu được:

- Tài chính: Giảm lỗ lũy kế ~20 tỷ (sau khi hoàn nhập thặng dư và lãi Q4).
- Sản xuất: Nhà máy CO2 tăng công suất chiết xuất 300%, dự kiến ra mắt 50 sản phẩm mới năm 2026.
- Cổ đông: APC cam kết hỗ trợ M&A và xuất khẩu.

V. HĐQT kính trình ĐHCĐ bất thường năm 2025 thông qua:

- Thông qua Báo cáo kết quả Chào bán riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp năm 2025 (Theo file báo cáo đính kèm).
- Thông qua việc giải ngân 100% (59,29 tỷ) vào nhà máy CO2 siêu tới hạn (tổng giá trị đầu tư 157,5 tỷ).
- Giao HĐQT giám sát giai đoạn 2 (98,21 tỷ từ vốn vay/chào bán cổ phiếu năm 2026);
- Ủy quyền cho HĐQT được phép điều chỉnh, thay đổi theo tình hình thực tế, nhưng tối đa không được tăng vượt quá 10% tổng mức đầu tư 157,5 tỷ VND. (HĐQT toàn quyền điều chỉnh, thay đổi trong hạn mức (157,5 tỷ VNĐ + 10 % tăng dự phòng).

Kính trình ĐHCĐ xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Lưu: VP HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



CÔNG TY
CP DƯỢC
LÂM ĐỒNG
(LADOPHAR)
TP. ĐÀ LẠT - T. LÂM ĐỒNG

Phạm Trung Kiên

Số: 07/TTr-DHBT /2025

Lâm Đồng, ngày 18 tháng 11 năm 2025

TỜ TRÌNH**Về việc thông qua Phương án chào bán Cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ban hành ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ và các Quy chế nội bộ của Công ty CP Dược Lâm Đồng (“Công ty”);
- Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán; Báo cáo tài chính hợp nhất quý 3/2025.

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bất thường năm 2025 như sau:

Ngày 26/10/2025 Công ty đã hoàn tất việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, tuy nhiên vẫn chưa đạt được đủ tổng vốn theo kế hoạch ban đầu đã đề ra. Dự kiến đến hết năm 2025 công ty sẽ hoàn thành việc xóa lỗ lũy kế, vì vậy HĐQT kính trình ĐHĐCĐ bất thường năm 2025 xem xét và thông qua Phương án Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2026, cụ thể:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ CHO ĐỢT CHÀO BÁN

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar);
- Tình hình sản xuất kinh doanh và nhu cầu vốn của Công ty.

Nay xây dựng phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ của Công ty như sau:

II. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ CHO NHÀ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN CHUYÊN NGHIỆP CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU**I. Phương án chào bán**

1	Tên cổ phiếu	:	Cổ phiếu Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar)
2	Mã chứng khoán	:	LDP
3	Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông
4	Mệnh giá cổ phiếu	:	10.000 đồng (Mười nghìn đồng)/cổ phiếu

5	Số lượng cổ phiếu hiện đang lưu hành	:	18.728.135 cổ phiếu
6	Số lượng cổ phiếu quỹ	:	32 cổ phiếu
7	Vốn điều lệ trước khi chào bán	:	187.281.670.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm tám mươi bảy tỷ hai trăm ba mươi mốt triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn).
8	Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán tối đa	:	9.364.067 cổ phiếu
9	Giá trị cổ phiếu dự kiến chào bán tối đa theo mệnh giá	:	93.640.670.000 đồng (Bằng chữ: Chín mươi ba tỷ sáu trăm bốn mươi triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn.)
10	Mức tăng vốn điều lệ dự kiến	:	93.640.680.000 đồng (Bằng chữ: Chín mươi ba tỷ sáu trăm bốn mươi triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn.)
11	Số lượng cổ phiếu lưu hành dự kiến sau khi hoàn thành chào bán riêng lẻ	:	28.092.202 cổ phiếu
12	Vốn điều lệ dự kiến sau khi hoàn thành chào bán riêng lẻ	:	280.922.020.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm tám mươi tỷ chín trăm hai mươi hai triệu hai mươi nghìn đồng chẵn..)
13	Hình thức chào bán	:	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
14	Giá chào bán	:	10.000 đồng/cổ phiếu (bằng mệnh giá, theo Điều 13 Nghị định 155)
15	Phương thức phân phối cổ phần	:	Cổ phiếu được phân phối cho Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông do Tổng công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam lập tại ngày đăng ký cuối cùng (ngày chốt danh sách cổ đông) để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu. Cổ phiếu quỹ sẽ không được phân bổ quyền.
16	Tỉ lệ chào bán	:	2:1 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu, Cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền, 02 quyền được mua 01 cổ phiếu mới. Số cổ phiếu cổ đông được mua sẽ làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số lẻ được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định phân phối cho cổ đông hiện hữu khác).
17	Phương án làm tròn cổ phiếu và phương án xử lý cổ phiếu lẻ và phân phối cổ	:	Số lượng cổ phiếu chào bán cho mỗi cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống khi tính toán số cổ phiếu chào bán cho

	phiếu không được đăng ký thực hiện quyền mua	từng cổ đông và cổ phiếu do cổ đông không mua hết, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT phân phối cho cổ đông hiện hữu khác với giá không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu (10.000 đồng/cổ phiếu) và quyết định thời gian phân phối cổ phiếu lẻ phát sinh và cổ phiếu không được mua hết cho cổ đông hiện hữu khác. Cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống, cổ phiếu do cổ đông không mua hết được HĐQT phân phối cho cổ đông hiện hữu khác nêu trên sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán. Trường hợp phân phối cổ phiếu lẻ phát sinh và cổ phiếu không được mua hết đó cho cổ đông hiện hữu khác mà dẫn đến việc cổ đông hiện hữu khác đó sở hữu đến tỷ lệ cổ phiếu có quyền biểu quyết của LDP mà thuộc trường hợp phải chào mua công khai theo quy định pháp luật thì cổ đông hiện hữu khác đó không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai theo quy định. Trên cơ sở đánh giá tình hình thực tế chào bán, HĐQT có thể quyết định không phân phối cổ phiếu lẻ phát sinh và cổ phiếu không được mua hết cho cổ đông hiện hữu khác để kết thúc đợt chào bán, điều chỉnh số lượng cổ phiếu chào bán và số vốn thu được từ đợt chào bán theo thực tế.
18	Điều kiện chuyển nhượng quyền mua	Cổ đông hiện hữu được quyền thực hiện hoặc không thực hiện quyền mua cổ phiếu. Cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu cho tất cả cá nhân khác. Cổ đông sở hữu quyền mua chỉ được chuyển nhượng quyền mua 01 (một) lần, người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng tiếp cho bên thứ ba. Cổ phần do cổ đông không mua hết được HĐQT phân phối cho cổ đông hiện hữu khác nêu trên sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.
19	Thời gian dự kiến phát hành	Trong năm 2026, sau khi Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện chào bán cổ phiếu riêng lẻ. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định thời gian chào bán phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo lợi ích tối đa cho cổ đông và Công ty

20	Sửa đổi Giấy phép hoạt động và Điều lệ sau đợt chào bán	ĐHĐCĐ ủy quyền HĐQT Công ty tiến hành các thủ tục cần thiết để điều chỉnh Giấy đăng ký hoạt động kinh doanh và sửa đổi Điều lệ Công ty với mức vốn điều lệ tăng thêm tương ứng theo số cổ phiếu thực tế chào bán.
21	Niêm yết bổ sung và Đăng ký chứng khoán bổ sung	Toàn bộ số lượng cổ phiếu thực tế chào bán từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện sẽ được thực hiện đăng ký, lưu ký chứng khoán bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. ĐHĐCĐ ủy quyền HĐQT thực hiện các thủ tục cần thiết để tiến hành đăng ký, lưu ký và đăng ký giao dịch bổ sung cổ phần chào bán trong thời gian sớm nhất, phù hợp với quy định của pháp luật.

20. Đánh giá mức độ pha loãng cổ phiếu:

Việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu có thể gây ra rủi ro pha loãng, cụ thể như sau:

(i) Pha loãng giá cổ phiếu

Việc chào bán cho cổ đông hiện hữu với mức giá thấp hơn giá thị trường sẽ khiến giá tham chiếu trong ngày giao dịch không hưởng quyền bị điều chỉnh kỹ thuật theo tính toán của HNX, bị giảm (bị pha loãng) .

(ii) Rủi ro pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phần (EPS)

Lợi nhuận ròng trên một cổ phiếu được tính bằng công thức:

$$EPS \text{ điều chỉnh} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Sau khi hoàn thành đợt chào bán, Chỉ số EPS của Công ty có thể bị giảm (bị pha loãng) do tổng số lượng cổ phần lưu hành tăng lên so với hiện tại trong khi việc sử dụng vốn huy động được chưa đem lại ngay doanh thu, lợi nhuận.

(iii) Rủi ro pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Việc phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu có rủi ro pha loãng tỷ lệ biểu quyết xảy ra trong trường hợp cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết một phần hoặc toàn bộ số lượng cổ phần được phân phối theo tỷ lệ dẫn đến tỷ lệ biểu quyết của cổ đông bị pha loãng.

II. Mục đích và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Trong trường hợp Công ty chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu thành công 9.364.067 cổ phiếu với giá 10.000 đồng/cổ phiếu, số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến là 93.640.670.000 đồng, Công ty sẽ sử dụng toàn bộ số tiền thu được này cụ thể như sau:

STT	Nội dung sử dụng vốn	Giá trị dự kiến (đồng)	Chi tiết
1	Bù đắp thiếu hụt đầu tư nhà máy LDP CO2 hoặc/và trả cho tổ chức/cá	90.000.000.000	Hoàn thiện dự án CO2 siêu tới hạn tại Đức

STT	Nội dung sử dụng vốn	Giá trị dự kiến (đồng)	Chi tiết
	nhân đã cho vay một phần/toàn phần số tiền dự kiến.		Trọng (tổng 157,5 tỷ, đã có 59,29 tỷ từ PHRL).
2	Bổ sung vốn lưu động số tiền còn thừa sau khi thực hiện mục trên.	3.640.670.000	Trả nợ, mua nguyên liệu, bổ sung dòng tiền kinh doanh
Tổng		93.640.670.000	

Đại Hội Đồng Cổ Đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị căn cứ tình hình thực tế, có thể quyết định thay đổi phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phần đợt này, điều chỉnh quy mô vốn, điều chỉnh việc phân bổ vốn cho các mục đích sử dụng vốn phù hợp với số tiền thực tế thu được từ đợt chào bán, và báo cáo ĐHĐCĐ gần nhất.

III. Các nội dung ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT:

ĐHĐCĐ thông nhất ủy quyền cho HĐQT và HĐQT có thể giao và/hoặc ủy quyền lại cho Người Đại Diện Pháp Luật Công ty thực hiện các công việc sau:

- Quyết định thời gian chào bán và tổ chức triển khai phương án chào bán cổ phiếu;
- Quyết định bổ sung, chỉnh sửa phương án chào bán cổ phiếu để đảm bảo đợt chào bán được thành công nếu xét thấy cần thiết;
- Quyết định, thực hiện các công việc và thủ tục liên quan để việc chào bán theo đúng thủ tục và quy định hiện hành;
- Quyết định phương án xử lý cổ phiếu chào bán không phân phối hết cho cổ đông hiện hữu khác nêu tại Mục I phương án này;
- Quyết định thời gian phân phối cổ phiếu lẻ phát sinh và cổ phiếu không được mua hết cho cổ đông hiện hữu khác hoặc hủy;
- Quyết định không phân phối cổ phiếu lẻ phát sinh và cổ phiếu không được mua hết cho cổ đông hiện hữu khác để kết thúc đợt chào bán, điều chỉnh số lượng cổ phiếu chào bán và số vốn thu được từ đợt chào bán theo thực tế;
- Quyết định thay đổi phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu đợt này, điều chỉnh quy mô vốn, điều chỉnh việc phân bổ vốn cho các mục đích sử dụng vốn phù hợp với số tiền thực tế thu được từ đợt chào bán, và báo cáo ĐHĐCĐ gần nhất.
- Thực hiện các thủ tục sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, sửa đổi Điều lệ Công ty và tiến hành đăng ký chứng khoán bổ sung, đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu thực tế tăng thêm;
- Sửa đổi, bổ sung các tài liệu có liên quan (bao gồm nhưng không hạn chế việc: quyết định phương án chào bán chi tiết chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu; sửa đổi, bổ sung, chỉnh sửa phương án chào bán chi tiết theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước...) và thực hiện các thủ tục cần thiết theo hướng dẫn của các cơ quan quản lý Nhà nước để thực hiện việc chào bán cổ phiếu, tăng vốn điều lệ, sửa đổi đăng ký kinh doanh, đăng ký lưu ký và

niêm yết bổ sung toàn bộ cổ phiếu thực tế chào bán tăng thêm.

- Chủ động triển khai giải ngân, phân bổ vốn, điều chỉnh mục đích sử dụng vốn phù hợp và báo cáo ĐHĐCĐ trong cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất.
- Ngoài những nội dung ủy quyền trên đây, trong quá trình thực hiện phương án chào bán, Đại Hội Đồng Cổ Đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh hoặc thay đổi phương án chào bán theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước sao cho việc chào bán cổ phiếu được thực hiện một cách hợp pháp và đúng quy định.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Lưu: VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Phạm Trung Kiên

Số: 08/TTr-DHBT /2025

Lâm Đồng, ngày 18 tháng 11 năm 2025

TỜ TRÌNH**Về việc bổ sung danh sách Công ty kiểm toán độc lập.**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ và các Quy chế nội bộ của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar)
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) số 01/NQ-ĐHĐCĐ/LDP/2025 ngày 24/04/2025 kèm Tờ trình số 07/TTr-DHTN/2025 ngày 28/03/2025;
- Căn cứ Nghị quyết số 25NQ-HĐQT/LDP/2025 ngày 20/05/2025 của Hội đồng quản trị về việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2025;
- Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐQT/LDP/2025 ngày 07/10/2025 của Hội đồng quản trị về việc việc phê duyệt triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025.

Hội đồng quản trị (HĐQT) báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bất thường năm 2025 như sau: sau khi triển khai việc lựa chọn công ty kiểm toán, Công ty nhận thấy cần bổ sung thêm đơn vị kiểm toán độc lập để mở rộng lựa chọn, đảm bảo tính cạnh tranh về chi phí, chất lượng và tính khả dụng, đặc biệt trong bối cảnh biến động thị trường và nhu cầu kiểm toán cuối năm. Vì vậy HĐQT kính trình ĐHĐCĐ bất thường năm 2025 xem xét và phê duyệt việc bổ sung danh sách các Công ty kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn như sau:

1. Tiếp tục danh sách các Công ty kiểm toán độc lập đã được phê duyệt tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 và bổ sung thêm 01 (một) đơn vị như sau:
 - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.
 - Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam.
 - Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam.
 - Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam.
 - Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế.
2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn 01 (một) trong 05 (năm) đơn vị kiểm toán độc lập trên để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty.
3. Các tiêu chí lựa chọn vẫn được giữ nguyên như Tờ trình số 07/TTr-DHTN/2025 ngày 28/03/2025.
4. Các nội dung trên có hiệu lực từ ngày ĐHĐCĐ thông qua đến khi có Nghị quyết mới có liên quan của ĐHĐCĐ.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Lưu: VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Trung Kiên

DỰ THẢO


Lâm Đồng, ngày ... tháng ... năm 2025

PHIẾU BIỂU QUYẾT
tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Tên cổ đông / Đại diện được ủy quyền:

Mã số:

Số cổ phần được quyền biểu quyết:

Trong đó: + Số cổ phần sở hữu:

+ Số cổ phần được ủy quyền:

CÁC NỘI DUNG BIỂU QUYẾT THÔNG QUA

(Vui lòng đánh dấu “X” hoặc “✓” vào 1 trong 3 ô chọn)

T T	Nội dung biểu quyết	Ý kiến biểu quyết		
		Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1	Tờ trình về việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh và sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty. (theo Tờ trình số 03/TTr-DHBT/2025 ngày 18/11/2025 của Hội đồng quản trị Công ty)	☐	☐	☐
2	Tờ trình về phương án khắc phục lỗ lũy kế. (theo Tờ trình số 04/TTr-DHBT/2025 ngày 18/11/2025 của Hội đồng quản trị Công ty)	☐	☐	☐
3	Tờ trình về việc bổ sung hình thức và mục đích vay vốn năm 2025. (theo Tờ trình số 05/TTr-DHBT/2025 ngày 18/11/2025 của Hội đồng quản trị Công ty)	☐	☐	☐
4	Tờ trình về việc báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp năm 2025 và giải ngân đầu tư nhà máy CO2 siêu tới hạn. (theo Tờ trình số 06/TTr-DHBT/2025 ngày 18/11/2025 của Hội đồng quản trị Công ty)	☐	☐	☐
5	Tờ trình về việc thông qua phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. (theo Tờ trình số 07/TTr-DHBT/2025 ngày 18/11/2025 của Hội đồng quản trị Công ty)	☐	☐	☐
6	Tờ trình về việc bổ sung danh sách Công ty kiểm toán độc lập. (theo Tờ trình số 08/TTr-DHBT/2025 ngày 18/11/2025 của Hội đồng quản trị Công ty)	☐	☐	☐

Người biểu quyết

(Ký và ghi rõ họ tên)

Số: 02/NQ-ĐHĐCĐ/LDP/2025

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 12 năm 2025

DỰ THẢO**NGHỊ QUYẾT****ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2025
CÔNG TY CP DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar, sau đây gọi tắt là “Công ty”);
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 số 02/BB-ĐHĐCĐ/LDP/2025 ngày 10/12/2025 của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bất thường năm 2025 của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) được tổ chức vào ngày 10/12/2025 tại Công ty CP Dược Lâm Đồng (Số 18 Ngô Quyền, Phường Cam Ly - Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng), với tổng số cổ đông tham dự trực tiếp và ủy quyền tham dự là cổ đông, đại diện cho cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội, chiếm% tổng số cổ phần của Công ty, đã thảo luận và thống nhất:

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Tờ trình về việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh và sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.

2.1 Thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

Mã ngành, nghề	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung
4723	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ uống có cồn: Bao gồm các loại rượu mạnh, rượu vang, bia và các loại đồ uống có chứa cồn khác. - Bán lẻ đồ uống không có cồn: Gồm nước ngọt, nước khoáng, nước trái cây và các loại đồ uống nhẹ khác.

2.2 Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty:

- Cập nhật thêm thông tin về ngành, nghề kinh doanh được bổ sung nêu trên vào Điều 4 và cập nhật phần vốn Điều lệ (tăng vốn sau đợt Chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2025) tại

Điều 6 của Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

Trước khi điều chỉnh	Sau khi điều chỉnh
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty 1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là: sản xuất thuốc tân, đông dược, thực phẩm chức năng. Mua, bán thuốc, dược liệu, mỹ phẩm, vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm, vaccine. Nuôi trồng dược liệu. Xuất, nhập khẩu thuốc, nguyên phụ liệu làm thuốc, vật tư, máy móc thiết bị y tế và sản xuất thuốc. Dịch vụ lưu trú. Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet. Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh. Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa. Kinh doanh các hình thức vận tải đường bộ. Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ.	Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty 1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là: sản xuất thuốc tân, đông dược, thực phẩm chức năng. Mua, bán thuốc, dược liệu, mỹ phẩm, vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm, vaccine. Nuôi trồng dược liệu. Xuất, nhập khẩu thuốc, nguyên phụ liệu làm thuốc, vật tư, máy móc thiết bị y tế và sản xuất thuốc. Dịch vụ lưu trú. Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet. Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh. Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa. Kinh doanh các hình thức vận tải đường bộ. Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ. Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 3. Vốn điều lệ của Công ty là 133.381.670.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm ba mươi ba tỷ, ba trăm tám mươi một triệu, sáu trăm bảy mươi ngàn Việt Nam đồng). 4. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 13.338.167 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.	Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 3. Vốn điều lệ của Công ty là 187.281.670.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm tám mươi bảy tỷ, hai trăm tám mươi một triệu, sáu trăm bảy mươi ngàn Việt Nam đồng). 4. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 18.728.167 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2.3 ĐHCĐ Giao/Ủy quyền cho Người đại diện theo Pháp luật của Công ty:

- Thực hiện bổ sung nội dung Điều lệ như nêu trên và ký ban hành Điều lệ mới;
- Thực hiện các thủ tục pháp lý để đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh với Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng theo đúng quy định pháp luật.

2.4 Trong phạm vi bổ sung ngành nghề kinh doanh và bổ sung nội dung Điều lệ đã được

ĐHCĐ thông qua như trên, ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT có toàn quyền quyết định mọi

vấn đề phát sinh liên quan đến việc đăng ký cập nhật, bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi Điều lệ theo quy định của pháp luật.

Chi tiết theo Tờ trình số 03/TTr-DHBT/2025 ngày 18/11/2025 của Hội đồng quản trị.

Điều 2. Thông qua Tờ trình về phương án khắc phục lỗ lũy kế.

Dựa trên số liệu phản ánh trên Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2025 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C, tại ngày 30/06/2025 số lỗ lũy kế của Công ty là 50.655.818.563 đồng và khoản mục Quỹ đầu tư phát triển là 24.348.384.362 đồng

Nhằm khắc phục tình trạng lỗ lũy kế nêu trên, ĐHĐCĐ thông qua nội dung như sau:

- 1.3. Thông qua phương án khắc phục lỗ lũy kế bằng việc sử dụng Quỹ đầu tư phát triển và thặng dư vốn cổ phần từ đợt Chào bán riêng lẻ (CBRL) năm 2025 để bù đắp một phần lỗ lũy kế, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu (Theo BCTC 6 tháng 2025 đã soát xét)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ đầu tư phát triển	Thặng dư vốn cổ phần CBRL năm 2025	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (sau khi được bù đắp bởi Quỹ đầu tư phát triển + thặng dư vốn)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)-(4)-(5)
1	BCTC riêng	(50.655.818.563)	24.348.384.362	5.390.000.000	(20.917.434.201)
2	BCTC hợp nhất	(50.655.818.563)	24.348.384.362	5.390.000.000	(20.917.434.201)

- 1.4. Thông qua phương án khắc phục lỗ lũy kế bằng việc thanh lý tài sản.

- 1.5. ĐHĐCĐ giao/ủy quyền cho HĐQT quyết định các vấn đề liên quan đến việc thực hiện phương án trên.

Chi tiết theo Tờ trình số 04/TTr-DHBT/2025 ngày 18/11/2025 của Hội đồng quản trị.

Điều 3. Thông qua Tờ trình về việc bổ sung hình thức và mục đích vay vốn năm 2025.

Nhằm có đủ nguồn lực đáp ứng cho kế hoạch kinh doanh năm 2025 trong tình hình kinh doanh mới, ĐHĐCĐ bất thường năm 2025 thống nhất thông qua nội dung như sau:

- 4.1. Thông qua việc bổ sung hình thức vay vốn năm 2025 của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) với nội dung vay vốn ngắn, trung và dài hạn bằng hình thức vay vốn từ các cá nhân, tổ chức khác thông qua các hợp đồng vay vốn.
- 4.2. Thông qua việc bổ sung mục đích vay vốn: để trả nợ trái phiếu và các khoản nợ khác của Công ty.

4.3. ĐHĐCĐ giao/ủy quyền cho HĐQT xem xét, lựa chọn và quyết định các phương án, hình thức vay vốn phù hợp, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật và lợi ích hợp pháp của Công ty.

4.4. Các nội dung trên có hiệu lực từ ngày ĐHĐCĐ thông qua đến khi có Nghị quyết mới có liên quan của ĐHĐCĐ.

Chi tiết theo Tờ trình số 05/TTr-DHBT/2025 ngày 18/11/2025 của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Thông qua Tờ trình về việc báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ năm 2025 và giải ngân đầu tư nhà máy CO2 siêu tới hạn.

- Thông qua Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) (Theo file báo cáo đính kèm).
- Thông qua Báo cáo kết quả Chào bán riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp năm 2025 (Theo file báo cáo đính kèm).
- Thông qua việc giải ngân 100% (59,29 tỷ) vào nhà máy CO2 siêu tới hạn (tổng giá trị đầu tư 157,5 tỷ).
- Giao HĐQT giám sát giai đoạn 2 (98,21 tỷ từ vốn vay/chào bán cổ phiếu năm 2026)
- Ủy quyền cho HĐQT được phép điều chỉnh, thay đổi theo tình hình thực tế, nhưng tối đa không được tăng vượt quá 10% tổng mức đầu tư 157,5 tỷ VND. (HĐQT Toàn quyền điều chỉnh, thay đổi trong hạn mức (157,5 tỷ VND + 10 % tăng dự phòng).

Chi tiết theo Tờ trình số 06/TTr-DHBT/2025 ngày 18/11/2025 của Hội đồng quản trị.

Điều 7. Thông qua Tờ trình về việc thông qua phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bất thường năm 2025 thống nhất thông qua phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ của Công ty như sau:

I. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ CHO NHÀ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN CHUYÊN NGHIỆP CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU

22	Tên cổ phiếu	:	Cổ phiếu Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar)
23	Mã chứng khoán	:	LDP
24	Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông
25	Mệnh giá cổ phiếu	:	10.000 đồng (Mười nghìn đồng)/cổ phiếu
26	Số lượng cổ phiếu hiện đang lưu hành	:	18.728.135 cổ phiếu
27	Số lượng cổ phiếu quỹ	:	32 cổ phiếu
28	Vốn điều lệ trước khi chào bán	:	187.281.670.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm tám mươi bảy tỷ hai trăm ba mươi mốt triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn).
29	Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán tối đa	:	9.364.067 cổ phiếu
30	Giá trị cổ phiếu dự kiến chào	:	93.640.670.000 đồng

	bán tối đa theo mệnh giá		(Bằng chữ: Chín mươi ba tỷ sáu trăm bốn mươi triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn.)
31	Mức tăng vốn điều lệ dự kiến	:	93.640.680.000 đồng (Bằng chữ: Chín mươi ba tỷ sáu trăm bốn mươi triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn.)
32	Số lượng cổ phiếu lưu hành dự kiến sau khi hoàn thành chào bán riêng lẻ	:	28.092.202 cổ phiếu
33	Vốn điều lệ dự kiến sau khi hoàn thành chào bán riêng lẻ	:	280.922.020.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm tám mươi tỷ chín trăm hai mươi hai triệu hai mươi nghìn đồng chẵn..)
34	Hình thức chào bán	:	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
35	Giá chào bán	:	10.000 đồng/cổ phiếu (bằng mệnh giá, theo Điều 13 Nghị định 155)
36	Phương thức phân phối cổ phần	:	Cổ phiếu được phân phối cho Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông do Tổng công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam lập tại ngày đăng ký cuối cùng (ngày chốt danh sách cổ đông) để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu. Cổ phiếu quỹ sẽ không được phân bổ quyền.
37	Tỉ lệ chào bán	:	2:1 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu, Cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền, 02 quyền được mua 01 cổ phiếu mới. Số cổ phiếu cổ đông được mua sẽ làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số lẻ được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định phân phối cho cổ đông hiện hữu khác).
38	Phương án làm tròn cổ phiếu và phương án xử lý cổ phiếu lẻ và phân phối cổ phiếu không được đăng ký thực hiện quyền mua	:	Số lượng cổ phiếu chào bán cho mỗi cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống khi tính toán số cổ phiếu chào bán cho từng cổ đông và cổ phiếu do cổ đông không mua hết, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT phân phối cho cổ đông hiện hữu khác với giá không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu (10.000 đồng/cổ phiếu) và quyết định thời gian phân phối cổ phiếu lẻ phát sinh và cổ phiếu không được mua hết cho cổ đông hiện hữu khác. Cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống, cổ phiếu do cổ đông không mua hết được HĐQT phân phối cho cổ đông hiện hữu khác nêu trên sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01

		năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán. Trường hợp phân phối cổ phiếu lẻ phát sinh và cổ phiếu không được mua hết đó cho cổ đông hiện hữu khác mà dẫn đến việc cổ đông hiện hữu khác đó sở hữu đến tỷ lệ cổ phiếu có quyền biểu quyết của LDP mà thuộc trường hợp phải chào mua công khai theo quy định pháp luật thì cổ đông hiện hữu khác đó không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai theo quy định. Trên cơ sở đánh giá tình hình thực tế chào bán, HĐQT có thể quyết định không phân phối cổ phiếu lẻ phát sinh và cổ phiếu không được mua hết cho cổ đông hiện hữu khác để kết thúc đợt chào bán, điều chỉnh số lượng cổ phiếu chào bán và số vốn thu được từ đợt chào bán theo thực tế.
39	Điều kiện chuyển nhượng quyền mua	Cổ đông hiện hữu được quyền thực hiện hoặc không thực hiện quyền mua cổ phiếu. Cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu cho tất cả cá nhân khác. Cổ đông sở hữu quyền mua chỉ được chuyển nhượng quyền mua 01 (một) lần, người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng tiếp cho bên thứ ba. Cổ phần do cổ đông không mua hết được HĐQT phân phối cho cổ đông hiện hữu khác nêu trên sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.
40	Thời gian dự kiến phát hành	Trong năm 2026, sau khi Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện chào bán cổ phiếu riêng lẻ. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định thời gian chào bán phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo lợi ích tối đa cho cổ đông và Công ty
41	Sửa đổi Giấy phép hoạt động và Điều lệ sau đợt chào bán	ĐHĐCĐ ủy quyền HĐQT Công ty tiến hành các thủ tục cần thiết để điều chỉnh Giấy đăng ký hoạt động kinh doanh và sửa đổi Điều lệ Công ty với mức vốn điều lệ tăng thêm tương ứng theo số cổ phiếu thực tế chào bán.
42	Niêm yết bổ sung và Đăng ký chứng khoán bổ sung	Toàn bộ số lượng cổ phiếu thực tế chào bán từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện sẽ được thực hiện đăng ký, lưu ký chứng khoán bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

		ĐHĐCĐ ủy quyền HĐQT thực hiện các thủ tục cần thiết để tiến hành đăng ký, lưu ký và đăng ký giao dịch bổ sung cổ phần chào bán trong thời gian sớm nhất, phù hợp với quy định của pháp luật.
--	--	--

20. Đánh giá mức độ pha loãng cổ phiếu:

Việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu có thể gây ra rủi ro pha loãng, cụ thể như sau:

(iv) Pha loãng giá cổ phiếu

Việc chào bán cho cổ đông hiện hữu với mức giá thấp hơn giá thị trường sẽ khiến giá tham chiếu trong ngày giao dịch không hưởng quyền bị điều chỉnh kỹ thuật theo tính toán của HNX, bị giảm (bị pha loãng) .

(v) Rủi ro pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phần (EPS)

Lợi nhuận ròng trên một cổ phiếu được tính bằng công thức:

$$\text{EPS điều chỉnh} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Sau khi hoàn thành đợt chào bán, Chỉ số EPS của Công ty có thể bị giảm (bị pha loãng) do tổng số lượng cổ phần lưu hành tăng lên so với hiện tại trong khi việc sử dụng vốn huy động được chưa đem lại ngay doanh thu, lợi nhuận.

(vi) Rủi ro pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Việc phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu có rủi ro pha loãng tỷ lệ biểu quyết xảy ra trong trường hợp cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết một phần hoặc toàn bộ số lượng cổ phần được phân phối theo tỷ lệ dẫn đến tỷ lệ biểu quyết của cổ đông bị pha loãng.

II. Mục đích và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Trong trường hợp Công ty chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu thành công 9.364.067 cổ phiếu với giá 10.000 đồng/cổ phiếu, số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến là 93.640.670.000 đồng, Công ty sẽ sử dụng toàn bộ số tiền thu được này cụ thể như sau:

STT	Nội dung sử dụng vốn	Giá trị dự kiến (đồng)	Chi tiết
1	Bù đắp thiếu hụt đầu tư nhà máy LDP CO2 hoặc/và trả cho tổ chức/cá nhân đã cho vay một phần/toàn phần số tiền dự kiến.	90.000.000.000	Hoàn thiện dự án CO2 siêu tới hạn tại Đức Trọng (tổng 157,5 tỷ, đã có 59,29 tỷ từ PHRL).
2	Bổ sung vốn lưu động số tiền còn thừa sau khi thực hiện mục trên.	3.640.670.000	Trả nợ, mua nguyên liệu, bổ sung dòng tiền kinh doanh
Tổng		93.640.670.000	

Đại Hội Đồng Cổ Đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị căn cứ tình hình thực tế, có thể quyết định thay đổi phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phần đợt này, điều chỉnh quy

mô vốn, điều chỉnh việc phân bổ vốn cho các mục đích sử dụng vốn phù hợp với số tiền thực tế thu được từ đợt chào bán, và báo cáo ĐHĐCĐ gần nhất.

III. ĐHĐCĐ thống nhất giao/ủy quyền cho HĐQT:

ĐHĐCĐ thống nhất giao/ủy quyền cho HĐQT và HĐQT có thể giao và/hoặc ủy quyền lại cho Người Đại Diện Pháp Luật Công ty thực hiện các công việc sau:

- Quyết định thời gian chào bán và tổ chức triển khai phương án chào bán cổ phiếu;
- Quyết định bổ sung, chỉnh sửa phương án chào bán cổ phiếu để đảm bảo đợt chào bán được thành công nếu xét thấy cần thiết;
- Quyết định, thực hiện các công việc và thủ tục liên quan để việc chào bán theo đúng thủ tục và quy định hiện hành;
- Quyết định phương án xử lý cổ phiếu chào bán không phân phối hết cho cổ đông hiện hữu khác nêu tại Mục I phương án này;
- Quyết định thời gian phân phối cổ phiếu lẻ phát sinh và cổ phiếu không được mua hết cho cổ đông hiện hữu khác hoặc hủy;
- Quyết định không phân phối cổ phiếu lẻ phát sinh và cổ phiếu không được mua hết cho cổ đông hiện hữu khác để kết thúc đợt chào bán, điều chỉnh số lượng cổ phiếu chào bán và số vốn thu được từ đợt chào bán theo thực tế;
- Quyết định thay đổi phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu đợt này, điều chỉnh quy mô vốn, điều chỉnh việc phân bổ vốn cho các mục đích sử dụng vốn phù hợp với số tiền thực tế thu được từ đợt chào bán, và báo cáo ĐHĐCĐ gần nhất.
- Thực hiện các thủ tục sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, sửa đổi Điều lệ Công ty và tiến hành đăng ký chứng khoán bổ sung, đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu thực tế tăng thêm;
- Sửa đổi, bổ sung các tài liệu có liên quan (bao gồm nhưng không hạn chế việc: quyết định phương án chào bán chi tiết chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu; sửa đổi, bổ sung, chỉnh sửa phương án chào bán chi tiết theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước...) và thực hiện các thủ tục cần thiết theo hướng dẫn của các cơ quan quản lý Nhà nước để thực hiện việc chào bán cổ phiếu, tăng vốn điều lệ, sửa đổi đăng ký kinh doanh, đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung toàn bộ cổ phiếu thực tế chào bán tăng thêm.
- Chủ động triển khai giải ngân, phân bổ vốn, điều chỉnh mục đích sử dụng vốn phù hợp và báo cáo ĐHĐCĐ trong cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất.
- Ngoài những nội dung ủy quyền trên đây, trong quá trình thực hiện phương án chào bán, Đại Hội Đồng Cổ Đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh hoặc thay đổi phương án chào bán theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước sao cho việc chào bán cổ phiếu được thực hiện một cách hợp pháp và đúng quy định.

Chi tiết theo Tờ trình số 07/TTr-DHBT/2025 ngày 18/11/2025 của Hội đồng quản trị.

Điều 8. Thông qua Tờ trình về việc bổ sung danh sách Công ty kiểm toán.

7.1. Thông qua việc tiếp tục danh sách các Công ty kiểm toán độc lập đã được phê duyệt tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 và bổ sung thêm 01 (một) đơn vị như sau:

- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.
- Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam.
- Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam.
- Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam.
- Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế.

7.2. ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn 01 (một) trong 05 (năm) đơn vị kiểm toán độc lập trên để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty.

7.3. Các tiêu chí lựa chọn vẫn được giữ nguyên như Tờ trình số 07/TTr-DHTN/2025 ngày 28/03/2025.

7.4. Các nội dung trên có hiệu lực từ ngày ĐHĐCĐ thông qua đến khi có Nghị quyết mới có liên quan của ĐHĐCĐ.

Chi tiết theo Tờ trình số 08/TTr-DHBT/2025 ngày 18/11/2025 của Hội đồng quản trị.

Điều 9. Điều khoản thi hành

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) đã được thống nhất thông qua trước toàn thể cổ đông/đại diện theo ủy quyền cổ đông tham dự Đại hội và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/12/2025.
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
- Các thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban, đơn vị trực thuộc Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

Nơi nhận:

- Cổ đông CTCP Dược Lâm Đồng (Ladophar);
- Các thành viên HĐQT, UBKT;
- UBCKNN, Sở GD&ĐT Hà Nội;
- Lưu: VP HĐQT.

PHẠM TRUNG KIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



LADOPHAR

TINH HOA DƯỢC LIỆU

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CP DƯỢC LÂM ĐỒNG
(LADOPHAR)

(Sửa đổi lần thứ XX)

*(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-
ĐHĐCD/LDP/2025 ngày 10/12/2025)*

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 12 năm 2025

MỤC LỤC

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	5
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....	7
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	7
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	7
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	8
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	9
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	9
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	9
Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	9
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	9
Điều 11. Quyền của cổ đông.....	9
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông	11
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông.....	12
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 16. Thay đổi các quyền	16
Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ..	18
Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	20
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	24

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	24
Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	24
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	25
Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	26
Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	27
Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị	28
Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	29
Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	31
Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty	31
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	32
Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý	32
Điều 33. Người điều hành Doanh nghiệp	32
Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	33
Điều 35. Thư ký Công ty	33
IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	34
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán	34
Điều 37. Thành phần Ủy ban Kiểm toán	34
Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán	34
Điều 39. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán	35
Điều 40. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên	35
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN ỦY BAN KIỂM TOÁN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	36
Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	36
Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	37
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	38
Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	38
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	39
Điều 44. Công nhân viên và công đoàn	39
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	39
Điều 45. Phân phối lợi nhuận	39
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	40
Điều 46. Tài khoản ngân hàng	40
Điều 47. Năm tài chính	40

Điều 48. Chế độ kế toán	40
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	40
Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	40
Điều 50. Báo cáo thường niên	41
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	41
Điều 51. Kiểm toán.....	41
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP.....	41
Điều 52. Dấu của doanh nghiệp	41
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY	41
Điều 53. Giải thể công ty	41
Điều 54. Thanh lý.....	41
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	42
Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	42
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	43
Điều 56. Điều lệ công ty.....	43
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	43
Điều 57. Ngày hiệu lực.....	43

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

2. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- b) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- c) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- d) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
- f) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
- g) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
- h) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- i) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
- j) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
- k) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- l) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
- m) *Sổ giao dịch chứng khoán* là Sổ giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
- n) *Đại biểu*: là Cổ đông, người đại diện (người được cổ đông ủy quyền)

3. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

4. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)**
- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **LAM DONG PHARMACEUTICAL JOINT STOCK COMPANY**
- Tên Công ty viết tắt: **LADOPHAR**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: 18 Ngô Quyền, Phường 6, Tp. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng
- Điện thoại: (0263) 3824167 – 3833251 - 3817937
- Fax: (0263) 3822369
- E-mail: ladopharcorp@gmail.com
- Website: <http://www.ladopharcorp.com>
- Trong trường hợp có thay đổi, các thông tin nêu trên coi như được tự động cập nhật trong Điều lệ.

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 55 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 02 người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc. Trong đó, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc có đầy đủ quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật theo quy định của pháp luật hiện hành. Cụ thể như sau:

1. Thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị: phê duyệt, quyết định các nội dung và ký xác lập các giao dịch, tài liệu liên quan đối với:

- a) Các nội dung, công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị (bao gồm nhưng không giới hạn về quyết định đầu tư, dự án, kinh doanh bất động sản, các công việc phát sinh tại các công ty liên doanh/liên kết/ có vốn góp của Công ty);

- b) Quản lý và điều hành trực tiếp một số hoạt động của công ty theo sự phân công của HĐQT;
 - c) Các nội dung, công việc thuộc thẩm quyền của Chủ tịch HĐQT;
 - d) Các nội dung khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
2. Thẩm quyền của Tổng Giám đốc:
- a) Chỉ đạo triển khai các hoạt động kinh doanh theo quyết định của Hội đồng quản trị/ Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 - b) Phê duyệt, quyết định các nội dung và ký xác lập các giao dịch, tài liệu đối với:
 - Các hoạt động kinh doanh hàng ngày thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc, theo phân công/ ủy quyền của của Hội đồng quản trị/ Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 - Các nội dung khác theo quyết định của Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng quản trị.
3. Hội đồng quản trị quyết định Người đại diện theo pháp luật của Công ty mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng, tài khoản chứng khoán. Thực hiện phê duyệt, quyết định các nội dung và ký xác lập các giao dịch, tài liệu liên quan đến tài khoản thanh toán, tài khoản chứng khoán của Công ty trong phạm vi đại diện.
4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
5. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty khi xuất cảnh khỏi Việt Nam.
6. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc, hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác thay thế.
7. Trường hợp vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty thì Hội đồng quản trị sẽ cử người khác thay thế.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là: sản xuất thuốc tân, đông dược, thực phẩm chức năng. Mua, bán thuốc, dược liệu, mỹ phẩm, vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm, vaccine. Nuôi trồng dược liệu. Xuất, nhập khẩu thuốc, nguyên phụ liệu làm thuốc, vật tư, máy móc thiết bị y tế và sản xuất thuốc. Dịch vụ lưu trú. Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet. Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh. Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa. Kinh doanh các hình thức vận tải đường bộ. Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ. **Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.**

(Chi tiết các ngành, nghề kinh doanh của Công ty được nêu trong Phụ lục đính kèm Điều lệ này).

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: huy động và sử dụng vốn có hiệu quả phát triển sản xuất, kinh doanh các sản phẩm theo chức năng và ngành nghề được cấp phép. Đồng thời nâng cao hiệu quả và tối ưu các khoản lợi nhuận, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, lợi tức cho cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty lớn mạnh. Trở thành nhà sản xuất và phân phối dược phẩm lớn nhất Việt Nam.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. *Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.*

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là **187.281.670.000 đồng** (Bằng chữ: Một trăm tám mươi bảy tỷ, hai trăm tám mươi một triệu, sáu trăm bảy mươi ngàn Việt Nam đồng).
2. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **18.728.167 cổ phần** với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
3. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

4. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 11, Điều 12 Điều lệ này.
5. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
6. Công ty không có cổ đông sáng lập
7. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
8. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
9. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị, Ủy Ban kiểm toán;
3. Tổng Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

- h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ủy Ban Kiểm toán, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c) Yêu cầu Ủy ban kiểm toán kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 07 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
 - e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

- 1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
- 2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
- 3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
- 4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- 5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
- 6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
 - e) Gửi phiếu biểu quyết bằng *phương tiện khác* theo quy định của pháp luật hiện hành.
- 7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;

- b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
 - a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này'

- b) Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan;
- c) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- d) Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
- e) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;
- k) Phê duyệt/ Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;

- l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Báo cáo của Ủy ban kiểm toán về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
 - e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ủy ban kiểm toán và thành viên Ủy ban kiểm toán;
 - f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
 - h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
 - i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị;
 - j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
 - t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp, tỷ lệ cụ thể như sau:
 - a) Đối với cổ đông là cá nhân chỉ được ủy quyền cho tối đa 1 cá nhân hoặc tổ chức khác dự họp;
 - b) Trường hợp cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền cho tối đa một (01) người dự họp Đại hội đồng cổ đông, từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền cho tối đa ba (03) người dự họp. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Trường hợp chủ sở hữu, thành viên, cổ đông công ty không xác định phần vốn góp, số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:
 - a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

- a) Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được

lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 07 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ Tọa/Ban Kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
 - b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có

trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp; Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu phục vụ cuộc họp;
- d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

- a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

- a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
- b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tới đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
8. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
 - a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - f) Sửa đổi và bổ sung điều lệ.
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu từ 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số

ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty. Trường hợp bầu thành viên HĐQT, nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ Công ty.

4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào và bất cứ vấn đề gì khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, kể cả những trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

- e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
- a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ủy ban kiểm toán hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.
- Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h) Tổng hợp số phiếu bầu cử ứng viên (nếu có)
 - i) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - j) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được áp dụng.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

- e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - a) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; và từ 65% trở lên được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên.
 3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
 4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị 05 người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định có tối thiểu 01 thành viên độc lập.

Quyền, nghĩa vụ và cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập sẽ được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham

gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

- j) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị (nếu có), Quy chế về công bố thông tin của công ty;
 - q) Yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty;
 - a) r) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- 2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho

từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ủy ban kiểm toán hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành theo phương thức trực tiếp hoặc trực tuyến. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo

luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, thư điện tử, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ủy Ban Kiểm toán như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ủy Ban Kiểm toán có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

12. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
13. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
14. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 Điều 26 Điều lệ này.
Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.
15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 02 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ủy ban kiểm toán;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị;
 - g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 33. Người điều hành Doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
2. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
3. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng

trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.
2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo phân công/ủy quyền và chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo phân công/ủy quyền và chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị;
 - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
 - g) Tuyển dụng lao động;
 - h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

Điều 35. Thư ký Công ty

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, ghi chép các biên bản họp;

- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ Công ty.

IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán

1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành Công ty.
2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 37. Thành phần Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.
2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán

Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty gồm các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.
2. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.
3. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết;

4. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.
5. Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của công ty;
6. Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;
7. Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty;
8. Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt;
9. Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp Công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán;
10. Giám sát nhằm bảo đảm Công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của công ty.
11. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
12. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.

Điều 39. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.
2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác phù hợp với quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.

Điều 40. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:

- a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- b. Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;
- c. Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;
- d. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
- e. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp;
- f. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông;

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN ỦY BAN KIỂM TOÁN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các

giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b) Đối với giao dịch có giá trị từ (35%) hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.
 - c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) hoặc được coi là hợp lý, có hóa đơn, chứng từ hợp lệ khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ủy ban kiểm toán, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ủy ban kiểm toán, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác

theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 44. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 45. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 47. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Điều 48. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 50. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 52. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 53. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 54. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c) Nợ thuế;
 - d) Các khoản nợ khác của Công ty;
 - e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
 - a) Cổ đông với Công ty;
 - b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;
2. Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Chủ tịch hội đồng quản trị chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 Chương, 57 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) nhất trí thông qua ngày 24 tháng 04 năm 2025 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**

LÊ TIẾN THỊNH

PHỤ LỤC: CÁC NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Mã ngành, nghề	Tên ngành, nghề kinh doanh
4649 (Chính)	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. <i>Chi tiết: mua bán thuốc, dược liệu, mỹ phẩm, vật tư, thiết bị y tế.</i>
2100	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu. <i>Chi tiết: sản xuất thuốc tân dược, đông dược.</i>
1079	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. <i>Chi tiết: sản xuất thực phẩm chức năng.</i>
1101	Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh. <i>Chi tiết: sản xuất rượu, nước uống có cồn.</i>
1104	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. <i>Chi tiết: sản xuất nước uống có gas và không có gas.</i>
5510	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. <i>Chi tiết:</i> - <i>Xuất nhập khẩu thuốc, dược liệu, nguyên phụ liệu sản xuất thuốc, vật tư thiết bị y tế.</i> - <i>Kinh doanh sinh phẩm, vaccine, hóa chất (phục vụ xét nghiệm, thí nghiệm sinh hóa, hóa học, huyết học).</i> - <i>Bán buôn các loại bao bì từ plastic (bao bì container), các loại vải PP, PE, túi PE, đai PP, chạc PP và các loại phụ liệu ngành may bao bì container), các loại vải PP, PE, túi PE, đai PP, chạc PP và các loại phụ liệu ngành may bao bì).</i>
4722	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. <i>Chi tiết: bán lẻ thực phẩm chức năng.</i>
4772	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.
4632	Bán buôn thực phẩm.
4633	Bán buôn đồ uống. <i>Chi tiết: kinh doanh rượu, đồ uống có cồn và không có cồn.</i>
4791	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet.
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Mã ngành, nghề	Tên ngành, nghề kinh doanh
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
0128	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm.
4721	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh.
1010	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt.
1020	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.
1075	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn.
1080	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.
4773	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ bao bì, các loại hạt nhựa PP, PE, hạt tạo màu, hạt phụ gia nhựa, hạt UV; bán lẻ các loại bao bì từ plastic (bao bì container), các loại vải PP, PE, túi PE, đai PP, chạc PP và các loại phụ liệu ngành may bao bì.
8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. <i>Chi tiết:</i> - <i>Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.</i> - <i>Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.</i>
4932	Các hình thức vận tải đường bộ khác. <i>Chi tiết:</i> - <i>Vận tải hành khách bằng xe khách trong phạm vi nội tỉnh, liên tỉnh.</i> - <i>Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, bao gồm hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác.</i>
4631	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ.
4723	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh <i>Chi tiết:</i> - <i>Bán lẻ đồ uống có cồn: Bao gồm các loại rượu mạnh, rượu vang, bia và các loại đồ uống có chứa cồn khác.</i> <i>Bán lẻ đồ uống không có cồn: Gồm nước ngọt, nước khoáng, nước trái cây và các loại đồ uống nhẹ khác.</i>

BÁO CÁO

Kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty

(Thay thế cho Báo cáo số 39/BC-HĐQT/LDP/2025)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. Giới thiệu về Tổ chức phát hành

- Tên Tổ chức phát hành (đầy đủ): CÔNG TY CP DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)
- Tên viết tắt: LADOPHAR
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 18 đường Ngô Quyền, Phường 6, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
- Số điện thoại: 0263 3817 937 Website: <https://ladophar.com/>
- Vốn điều lệ: 127.031.670.000 đồng.
- Mã cổ phiếu: LDP
- Nơi mở tài khoản thanh toán: Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc An Giang; Số hiệu tài khoản: 7020413613
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 58000000047 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp lần đầu ngày 04/01/2000, cấp thay đổi lần thứ 31 ngày 22/12/2023
- Giấy phép thành lập và hoạt động: Không có

II. Phương án phát hành

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar)
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phiếu trước thời điểm phát hành:
 - Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 12.703.167 cổ phiếu.
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 12.703.135 cổ phiếu.
 - Số lượng cổ phiếu quỹ: 32 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 635.000 cổ phiếu, tương ứng 4,9987% tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành.
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu phát hành bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.
- Giá phát hành (trường hợp bán cổ phiếu cho người lao động): 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Nguồn vốn phát hành (trường hợp phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động): Không thuộc trường hợp này.
- Ngày kết thúc đợt phát hành: 20/06/2025



9. Ngày dự kiến chuyển giao cổ phiếu: Trong tháng 07 hoặc tháng 08 năm 2025, sau khi Công ty hoàn tất thủ tục thay đổi đăng ký chứng khoán tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

III. Kết quả phát hành cổ phiếu

1. Số cổ phiếu đã phân phối: 635.000 cổ phiếu, tương ứng 100% tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành.
2. Số người lao động được phân phối: 06 người
3. Tổng số cổ phiếu sau đợt phát hành (ngày 20/06/2025): 13.338.167 cổ phiếu, trong đó:
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 13.338.135 cổ phiếu;
 - Số lượng cổ phiếu quỹ: 32 cổ phiếu.

IV. Tài liệu gửi kèm

1. Danh sách kết quả Người lao động tham gia đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP);
2. Văn bản số 26/2025/HDB-LDP ngày 26/06/2025 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank) về việc xác nhận thông tin số dư tài khoản phong tỏa số tiền góp vốn từ đợt phát hành ESOP của Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar);
3. Nghị quyết số 25/NQ-HĐQT/LDP/2025 ngày 13/06/2025 của Hội đồng quản trị về việc thông qua gia hạn thời gian nộp tiền mua cổ phiếu và phương án xử lý số lượng cổ phiếu còn lại không phân phối hết của đợt Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho Người lao động (ESOP) kèm Biên bản họp HĐQT số 16/BBH-HĐQT/LDP/2025 ngày 13/06/2025 thông qua Nghị quyết HĐQT số 25/NQ-HĐQT/LDP/2025 ngày 13/06/2025;
4. Nghị quyết số 27/NQ-HĐQT/LDP/2025 ngày 13/06/2025 của Hội đồng quản trị về việc thông qua kết quả đợt Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho Người lao động (ESOP);
5. Công văn số 42/CV-HĐQT/LDP/2025 ngày 26/06/2025 về việc Bổ sung thông tin chi tiết về đợt phát hành và phân phối cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) của LDP;

Lâm Đồng, ngày 26 tháng 06 năm 2025

CÔNG TY CP DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

CHỦ TỊCH HĐQT



PHẠM TRUNG KIÊN

**CÔNG TY CP DƯỢC
LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)**

Số: 21/BC-HĐQT/LDP/2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lâm Đồng, ngày 27 tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO

Kết quả đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. Giới thiệu về Tổ chức phát hành

1. Tên Tổ chức phát hành (đầy đủ): CÔNG TY CP DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)
2. Tên viết tắt: LADOPHAR
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 18 đường Ngô Quyền, Phường Cam Ly - Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.
4. Số điện thoại: 0263 3817 937 Website: <https://ladophar.com/>
5. Vốn điều lệ: 133.381.670.000 đồng.
6. Mã cổ phiếu: LDP
7. Nơi mở tài khoản thanh toán: Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc An Giang Số hiệu tài khoản: 7020413613
8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 5800000047, cấp lần đầu ngày 04/01/2000, cấp thay đổi lần thứ 33 ngày 25/09/2025 bởi Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng.
9. Giấy phép thành lập và hoạt động: Không có

II. Phương án chào bán

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar)
2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
3. Số lượng cổ phiếu chào bán: 13.640.000 cổ phiếu.
5. Giá chào bán: 11.000 đồng/cổ phiếu
 - Giá chào bán cao nhất: 11.000 đồng/cổ phiếu.
 - Giá chào bán thấp nhất: 11.000 đồng/cổ phiếu.
6. Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Số lượng cổ phiếu chào bán bị hạn chế chuyển nhượng 01 (một) năm đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, trừ trường hợp chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp hoặc thực hiện bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật
7. Tổng số tiền huy động dự kiến: 150.040.000.000 đồng.

8. Ngày kết thúc đợt chào bán: 26/10/2025

III. Kết quả chào bán cổ phiếu

1. Tổng số cổ phiếu đã phân phối: 5.390.000 cổ phiếu, tương ứng 39,52% tổng số cổ phiếu chào bán, trong đó:

- Nhà đầu tư trong nước: 5.390.000 cổ phiếu;
- Nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ: 0 cổ phiếu.

2. Giá bán:

- Giá bán thấp nhất: 11.000 đồng/cổ phiếu.
- Giá bán cao nhất: 11.000 đồng/cổ phiếu.
- Giá bán bình quân gia quyền: 11.000 đồng/cổ phiếu.

3. Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán: 59.290.000.000 đồng.

4. Tổng chi phí: 0 đồng.

- Phí phân phối cổ phiếu: 0 đồng.
- Chi phí khác: 0 đồng.

5. Tổng thu ròng từ đợt chào bán: 59.290.000.000 đồng.

IV. Danh sách và tỷ lệ sở hữu của các nhà đầu tư tham gia mua cổ phiếu

TT	Tên nhà đầu tư	Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác / Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu	Đối tượng		Số cổ phiếu sở hữu trước đợt chào bán	Số cổ phiếu được phân phối	Tổng số cổ phiếu sở hữu sau đợt chào bán	Tỷ lệ sở hữu sau đợt chào bán
			Nhà đầu tư chiến lược / Nhà đầu tư chuyên nghiệp	Nhà đầu tư nước ngoài/ Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ/ Nhà đầu tư trong nước				
1	Công ty Cổ phần APC Holdings	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106795797	Nhà đầu tư chuyên nghiệp	Nhà đầu tư trong nước	0	5.390.000	5.390.000	28,78%

V. Tài liệu gửi kèm

1. Nghị quyết HĐQT số 31/NQ-HĐQT/LDP/2025 ngày 22/08/2025 về việc Triển khai Chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và Phụ lục kèm theo;
2. Nghị quyết HĐQT về việc thay đổi thời gian nộp tiền mua cổ phiếu riêng lẻ số 35/NQ-HĐQT/LDP/2025 ngày 15/09/2025;
3. Quyết định số 03/QĐ-HĐQT/2025 ngày 07/10/2025 của Chủ tịch HĐQT về việc gia hạn thời gian nộp tiền mua cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và Thông báo gửi Nhà đầu tư về việc gia hạn thời gian chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp số 59/TB-HĐQTLDP/2025 ngày 07/10/2025;
4. Văn bản xác nhận của ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh (HDBank) số 271/HDB-LDP/2025 ngày 27/10/2025 về số dư tài khoản phong tỏa;
5. Sao kê tài khoản phong tỏa tại Ngân hàng HDBank;
6. Công văn số 65/CV-HĐQT/LDP/2025 về việc Làm rõ số dư tài khoản phong tỏa nộp tiền mua cổ phiếu;
7. Nghị quyết số 38/NQ-HĐQT/LDP/2025 ngày 27/10/2025 của Hội đồng quản trị về việc thông qua kết quả đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ.

Lâm Đồng, ngày 27 tháng 10 năm 2025

CTCP DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)



Phạm Trung Kiên